

## VẬN DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC TRONG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ - KINH DOANH

Nguyễn Thu Thủy Tiên<sup>1,+</sup>,  
Nguyễn Hạ Liên Chi<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kỹ thuật Curtin Australia;

<sup>2</sup>Trường Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: tien.nguyen@curtin.edu.au

### Article History

Received: 02/4/2020

Accepted: 18/4/2020

Published: 08/5/2020

### Keywords

the flipped classroom approach, business and management, application, undergraduate level, post-graduate level.

### ABSTRACT

The flipped classroom approach has been applied widely in advanced education systems across the globe due to its positive impact on learners' satisfaction and academic outcomes. This paper introduces the fundamentals of the flipped classroom approach and provides some insights on how to successfully apply this model to higher education in Business and Management studies. Drawing from the experience of using this approach in teaching multiple units in Business and Management at both undergraduate and graduate levels, the author showed that student satisfaction and pass rates were achieved at the overall percentage of 90 and above. Yet for a successful application and integration, universities and institutions should uphold the fundamental principle of student-centered learning, build good infrastructure and facilities, and provide necessary supports to instructors and learners.

### 1. Mở đầu

Lớp học đảo ngược (LHĐN) là mô hình giảng dạy năng động, theo đó, thuật ngữ “đảo ngược” ở đây được hiểu là so sánh với hình thức giảng dạy truyền thống, bài giảng sẽ được học ở nhà và bài tập về nhà sẽ được thực hiện trong lớp học (Lo & Hew, 2017). LHĐN được sử dụng với mục tiêu tối ưu hóa sự tương tác giữa giảng viên (GV) với sinh viên (SV) trong lớp học trực tiếp và đem đến trải nghiệm học tập độc đáo thông qua việc thay thế lớp học truyền thống bằng những hoạt động mang tính thực tiễn cao, có môi liên hệ chặt chẽ với nhau. Qua đó, LHĐN có thể kích thích hứng thú học tập của SV; từ đó, nâng cao kết quả học tập cũng như trau dồi kỹ năng giảng dạy cho GV (Lo & Hew, 2017).

Nền tảng của mô hình LHĐN là phương pháp học tập pha trộn (*Blended Learning Approach*). Nguyên tắc cơ bản của phương pháp này là sự kết hợp giữa *giảng dạy bằng công nghệ* và *giảng dạy trực tiếp* nhằm phát huy tính hiệu quả và giảm thiểu hạn chế của cả hai phương pháp này. Theo đó, công nghệ được sử dụng nhằm tạo điều kiện cho SV có thể tiếp cận với nguồn tài nguyên của môn học bất cứ lúc nào. Các tài liệu học tập như: slide bài giảng, video, case study, bài trắc nghiệm online... sẽ được lưu trữ trên hệ thống quản lý học tập (*Learning Management System - LMS*). SV được yêu cầu tự học và đánh giá trình độ bản thân trước khi đến lớp dựa vào sự hỗ trợ của hệ thống quản lý học tập. Lớp học trực tiếp sẽ được thiết kế để GV và SV thảo luận sâu hơn về các vấn đề trong nội dung môn học (Nazarenko, 2015).

Nhiều nghiên cứu đã chứng minh, so với lớp học truyền thống, kết quả học tập của SV cải thiện hơn khi được học trong mô hình LHĐN (Missildine et al, 2013; Thai et al, 2017; Van Der Zwan & Afonso, 2019; Wanner & Palmer, 2015). Trong đó, việc ứng dụng mô hình LHĐN đối với môn học Kỹ sư cơ khí giúp tỉ lệ đỗ môn học tăng từ 60% lên 80%, điểm trung bình của môn học tăng từ 50% lên 60% (Singh et al, 2019). Một nghiên cứu khác với SV ngành Y tá cho thấy, kết quả học tập của SV tăng trên 35% với phương pháp học tập này (Slomanson, 2014). Gần đây nhất, một nghiên cứu tổng hợp từ kết quả của 55 nghiên cứu trước đó đã cho thấy, mô hình LHĐN có thể cải thiện được 19.3% kết quả học tập của người học so với phương pháp giáo dục truyền thống (Cheng et al, 2019). Hơn nữa, SV hứng thú hơn, tích cực hơn, hài lòng hơn và có động lực học tập hơn khi được học với mô hình LHĐN (Wanner & Palmer, 2015). Đây là những bằng chứng cho thấy tính ưu việt của mô hình LHĐN và khả năng ứng dụng của nó trong giáo dục bậc cao.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Những trở ngại của việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học nói chung và dạy học ở bậc đại học

Hiện nay, mô hình LHĐN đã và đang được ứng dụng ở rất nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới trong khối ngành STEM (Science, Technology, Engineering and Mathematics), khối ngành Sư phạm, Kinh tế và kinh doanh, và cả Xã hội học (Clark & Kaw, 2019). Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình này trên thực tế vẫn gặp nhiều khó khăn:

- *Đối với GV*, đó là hai yếu tố: 1) Thông tin - GV không có cái nhìn cụ thể về việc thiết kế môn học dựa theo mô hình LHDN, không xác định rõ trách nhiệm, vai trò và nhiệm vụ của mình với cương vị là người GV; 2) Quản lý - làm sao để quản lý lớp học, thời lượng cần thiết cho các hoạt động trên lớp và tính hiệu quả của việc phân bổ thời gian hợp lý (Jong, 2019). Bên cạnh đó, một số GV thường gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ để quản lý tài nguyên học tập và hoạt động của SV trên hệ thống (Rasheed et al, 2020).

- *Đối với cơ sở đào tạo*, trở ngại lớn nhất đó là việc cung cấp công nghệ và thiết bị phù hợp để áp dụng mô hình này, cụ thể là yếu tố *tài chính* và *nhân lực*; bên cạnh đó, là khó khăn trong việc lựa chọn các phương pháp huấn luyện phù hợp và hiệu quả để đào tạo GV áp dụng mô hình này (Rasheed et al, 2020).

- *Đối với người học*, đó là kỉ luật của bản thân cho việc chuẩn bị bài và tự học trên hệ thống quản lý học tập, cùng với đó là việc sử dụng công nghệ để phục vụ quá trình học (Rasheed et al, 2020).

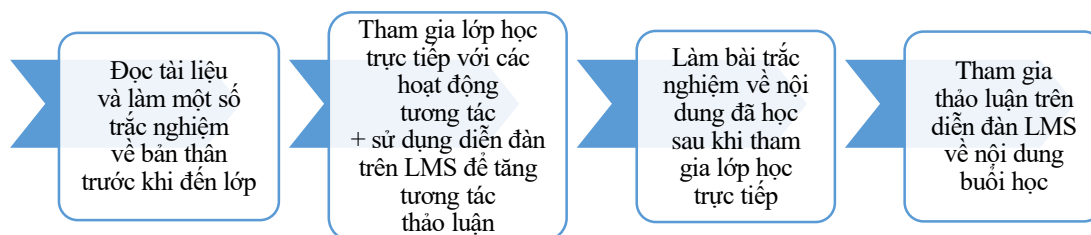
Như vậy, để việc áp dụng mô hình LHDN thành công trong giảng dạy, GV cần hiểu rõ vai trò của mình và giá trị cốt lõi của mô hình LHDN; SV cần có động lực và kỉ luật bản thân đối với việc tự học ở ngoài giảng đường; cơ sở đào tạo cần cung cấp, hỗ trợ cần thiết cho việc áp dụng và sử dụng công nghệ.

## 2.2. Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học Quản trị - Kinh doanh

Phương pháp LHDN đã được áp dụng tại cơ sở đào tạo của chúng tôi trong nhiều năm gần đây. Trong khối ngành *Quản trị - Kinh doanh*, phương pháp này đã được áp dụng vào nhiều môn học; trong đó, chúng tôi đã và đang vận dụng mô hình này đối với môn học *Quản trị học căn bản*, *Hành vi tổ chức* ở bậc đại học và môn học *Nguồn nhân lực quốc tế* ở bậc sau đại học trong 3 năm vừa qua.

- Cách thức tổ chức lớp học: Đối với mỗi môn học, lớp học được giới hạn ở mức tối đa 30 SV; lớp được trang bị máy chiếu, máy tính để bàn, hệ thống âm thanh và đường truyền Internet nhanh, ổn định; lớp được sắp xếp theo bàn tròn. SV được khuyến khích mang đến lớp các thiết bị điện tử thông minh để phục vụ cho việc thảo luận nhóm và thực hành các bài tập tương tác, trực quan sinh động.

- Quy trình áp dụng mô hình LHDN trong mỗi môn học được tác giả tiến hành theo *sơ đồ 1*:



Sơ đồ 1: Quy trình áp dụng mô hình LHDN

- Việc thiết kế chương trình giảng dạy tích hợp giữa hệ thống quản lý học tập và lớp học tương tác trực tiếp là cốt lõi của phương pháp LHDN. Dưới đây là ví dụ minh họa mô tả thiết kế chương trình một module trong môn học *Hành vi tổ chức* được thực hiện theo mô hình LHDN:

**Module: *Tính cách và giá trị (Personality and values)***

*Trình độ:* Đại học

*Yêu cầu kiến thức nền tảng:* Không

### I. Quá trình tự học trước khi đến lớp

SV được yêu cầu xem những tài liệu sau trước khi đến lớp. Tất cả tài liệu đều được lưu trữ trên Hệ thống quản lý học tập LMS. Cụ thể:

- Đọc chương: *Tính cách và giá trị* (trong sách giáo khoa).
- Xem slides bài giảng.
- Xem video TED talk của giáo sư Brian Little nói về tính cách và mô hình 5 yếu tố.
- Làm bài trắc nghiệm online để xác định 5 yếu tố tính cách của bản thân.
- Xem danh mục các giá trị được GV cung cấp, lựa chọn 5 giá trị mà bản thân coi trọng nhất, và lựa chọn 5 giá trị mà bản thân không coi trọng nhất.

Đề thúc đẩy SV chuẩn bị bài trước khi đến lớp, GV sẽ gửi email nhắc nhở trước 1 tuần và trước 1 ngày.

### II. Lớp học trực tiếp (2 tiếng)

Lớp học trực tiếp được tổ chức 1 lần/tuần. SV ngồi theo 5 bàn tròn thành 5 nhóm, mỗi nhóm từ 4-5 SV. Mỗi SV đều mang đến lớp laptop/tablet để truy cập vào LMS. Hệ thống wifi trong lớp học ổn định và đường truyền tốc độ cao.

**II.1. Hoạt động 1 (10 phút):** Kiểm tra việc chuẩn bị bài: GV kiểm tra việc chuẩn bị bài học của SV. Việc kiểm tra bài nếu có thể duy trì nghiêm túc trong 3 tuần đầu tiên sẽ tạo tiền lệ rất tốt cho thái độ học tập của SV trong suốt học kì.

**II.2. Hoạt động 2 (10 phút):** Giới thiệu chủ đề và kiểm tra kiến thức của SV: GV giới thiệu chủ đề buổi học, cấu trúc của buổi học; đồng thời hỏi ngẫu nhiên một vài SV trong lớp những câu hỏi trong nội dung bài giảng về *Tính cách và mô hình 5 yếu tố tính cách*.

**II.3. Hoạt động 3 (15 phút):** Tính cách và mô hình 5 tính cách: SV chia sẻ trong nhóm của mình về kết quả trắc nghiệm 5 tính cách. SV thảo luận với nhau về 2 câu hỏi: - *Bạn có đồng ý với kết quả 5 yếu tố tính cách của mình không?*; - *Ưu và nhược điểm của mô hình 5 yếu tố tính cách*.

Sau khi thảo luận, SV sẽ chia sẻ với các nhóm khác về ý kiến thảo luận của nhóm mình. GV sẽ ghi lại các ý kiến chia sẻ lên bảng để SV có cái nhìn bao quát. Đối với mỗi ý kiến chia sẻ, GV sẽ đưa ra nhận xét mang tính xây dựng của mình nhằm khích lệ SV tiếp tục thảo luận. GV sẽ kết thúc hoạt động bằng cách trình chiếu những ưu nhược điểm của mô hình 5 yếu tố tính cách dựa trên nghiên cứu và so sánh với câu trả lời của SV.

**II.4. Hoạt động 4 (15 phút):** Thảo luận về tính ứng dụng của mô hình 5 yếu tố tính cách: SV theo mỗi nhóm được yêu cầu đăng nhập vào Diễn đàn thảo luận (Discussion Forum) trên LMS để chia sẻ ý kiến về câu hỏi: *Mô hình 5 yếu tố có thể được áp dụng thế nào/vào việc gì trong tổ chức?* GV sẽ trình chiếu câu trả lời của từng nhóm cho lớp học, yêu cầu các nhóm khác nhận xét về câu trả lời; đồng thời đưa nhận xét của mình lên diễn đàn. GV sẽ trình chiếu câu trả lời dựa trên nghiên cứu và khích lệ SV liên hệ với thực tiễn và với bản thân.

#### **Giải lao (15 phút)**

**II.5. Hoạt động 5 (10 phút):** Vòng tròn giá trị của Schwartz: SV diễn giải mô hình giá trị của Schwartz. GV kiểm tra và giải đáp thắc mắc về mô hình này.

**II.6. Hoạt động 6 (15 phút):** Xác định giá trị của bản thân: - Mỗi SV được phát 2 mảnh giấy stickers, một màu xanh và một màu vàng. Dựa trên hoạt động SV đã chuẩn bị trước, SV được yêu cầu viết ra giá trị mà mình coi trọng nhất lên mảnh giấy màu xanh và giá trị mình không coi trọng nhất trên mảnh giấy màu vàng; - GV trình chiếu mô hình giá trị của Schwartz, SV được yêu cầu dán hai mảnh giấy stickers vào mục tương ứng; - Sau khi tất cả các SV đã hoàn tất việc dán các mảnh giấy vào từng mục trong mô hình Schwartz, GV yêu cầu SV quan sát sự phân bố của các mảnh giấy màu vàng/xanh, rút ra kết luận; từ đó liên hệ với hệ giá trị của gia đình và của nền văn hóa quốc gia.

**II.7. Hoạt động 7 (15 phút):** Thảo luận về hệ giá trị chung giữa cá nhân và tổ chức: SV được yêu cầu đăng nhập vào Diễn đàn thảo luận và chia sẻ ý kiến của mình về 2 câu hỏi: - *Vì sao tổ chức cần tạo ra một hệ giá trị chung giữa cá nhân và tổ chức?*; - *Có cần thiết để tổ chức lựa chọn nhân viên dựa trên giá trị chung giữa tổ chức và cá nhân hay không?*

GV sẽ chiếu câu trả lời của từng nhóm cho lớp học, yêu cầu các nhóm khác nhận xét về câu trả lời; đồng thời đưa nhận xét của mình lên diễn đàn. GV sẽ trình chiếu câu trả lời dựa trên nghiên cứu và khích lệ SV liên hệ với thực tiễn và với bản thân.

**II.8. Hoạt động 8 (25 phút):** Tổng kết: GV tổng kết và liên kết các hoạt động đã thực hiện trong buổi học để SV có cái nhìn tổng quát, đồng thời khuyến khích SV liên hệ với thực tiễn và với bản thân. GV khích lệ SV đặt câu hỏi và giải đáp thắc mắc. Cuối cùng, SV trả lời một điều tra ngắn về mức hài lòng đối với buổi học và các kiến nghị nếu có.

### **III. Hoạt động tự học sau khi đến lớp**

SV được yêu cầu hoàn tất bài trắc nghiệm online về nội dung buổi học trong thời hạn 1 ngày sau khi kết thúc lớp học. Link của bài trắc nghiệm được cung cấp trên LMS. Hệ thống sẽ báo và tổng kết các SV đã/chưa hoàn tất bài trắc nghiệm cho GV. SV được yêu cầu tham gia thảo luận về các câu hỏi hoặc hoạt động nâng cao liên quan đến bài học trên diễn đàn LMS.

### **IV. Kết quả đạt được**

Dưới đây là kết quả áp dụng phương pháp LHDN cho các môn học vào năm 2019

Môn học	Học kì	Phương pháp đánh giá	Tỉ lệ đỗ	Mức độ hài lòng
Nguồn nhân lực quốc tế	3/2019	- Bài thuyết trình nhóm đông (25%) - Bài thuyết trình nhóm nhỏ (15%) - Bài thu hoạch cá nhân (15%) - Bài luận cá nhân cuối kì (45%)	100%	97%
Quản trị học	2/2019	- Bản thảo bài luận cá nhân (10%)	92%	100%

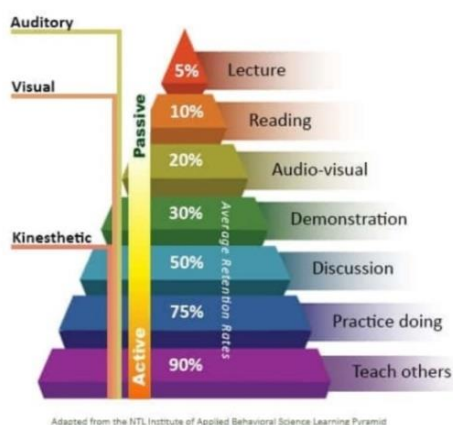
		- Bài luận cá nhân (30%) - Bài thuyết trình và bài luận nhóm (20%) - Bài thi cuối kì (40%)		
Hành vi tổ chức	1/2019	- Bài thuyết trình cá nhân (15%) - Bài luận cá nhân (35%) - Bài thuyết trình nhóm (20%) - Bài luận cá nhân đánh giá cuối kì (30%)	100%	97%

### 2.3. Một số biện pháp thúc đẩy việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong giáo dục bậc cao tại Việt Nam

Lĩnh vực Quản trị - Kinh doanh là lĩnh vực mang tính thực tiễn cao, nên là điều kiện lí tưởng cho việc áp dụng mô hình LHDN trong giảng dạy. Dựa vào quan sát và thực hiện của tác giả, ở các trường đại học lớn trên thế giới tại Mỹ, Úc, Singapore, mô hình này đang được ứng dụng rộng rãi cho các môn học như: *Quản trị học, Marketing, Hành vi tổ chức, Hành vi người tiêu dùng, Kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm, Quản trị nguồn nhân lực, Giao tiếp và nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh...* Những chia sẻ ở các mục trên đã cho thấy tính ưu việt của mô hình này trong hệ thống giáo dục bậc cao. Để có thể ứng dụng hiệu quả mô hình này trong giảng dạy Quản trị - Kinh doanh và có thể hạn chế những khó khăn đã nêu ở trên, chúng tôi đề xuất những biện pháp cần thiết để thúc đẩy việc áp dụng mô hình này trong giáo dục bậc cao tại Việt Nam.

#### 2.3.1. Giảng viên cần hiểu rõ giá trị của mô hình lớp học đảo ngược

Để có thể phát huy tối đa hiệu quả của mô hình này, đầu tiên, GV phải hiểu rõ giá trị mà nó mang lại; đồng thời cần hiểu rõ nguyên tắc của giáo dục, thiết kế môn học, và các hoạt động học tập nhằm mang lại kết quả khả quan cho người học. Mô hình tháp học tập của Kolb (1984) là một mô hình ra đời từ rất lâu nhưng đóng vai trò là nền tảng và kim chỉ nam cho các nghiên cứu giáo dục hiện đại. Theo mô hình này, lượng kiến thức có thể lưu trữ trong bộ não người học sẽ tăng lên khi quá trình học chuyển từ thụ động sang chủ động. Theo đó, càng nhiều giác quan được sử dụng trong quá trình học thì tính hiệu quả và tỉ lệ kiến thức được lưu trữ trong não bộ của người học càng được tăng cao (Kolb, 1984). Áp dụng mô hình này cho mô hình LHDN, nguyên tắc quan trọng nhất là cần tạo điều kiện cho người học được trải nghiệm phương pháp học chủ động bằng việc kết hợp tất cả những yếu tố trong hình vẽ thông qua sự kết hợp giữa công nghệ và lớp học trực tiếp. Tất cả nội dung môn học cần phải được lưu trữ trên hệ thống quản lí học tập để người học có thể tiếp cận ở bất cứ đâu, vào bất cứ khi nào. Ở lớp học trực tiếp, người học cần được trao cơ hội để tối ưu hóa kiến thức mình đã học được qua tương tác với GV và bạn học trong các hoạt động như: thảo luận nhóm, phân tích tình huống, thực hành, trò chơi, biện luận hay thuyết trình.



Sơ đồ 2. Mô hình tháp học tập của Kolb (1984)

#### 2.3.2. Giảng viên phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ bản thân

Trong LHDN, GV không còn đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức, mà là người điều tiết việc thảo luận và các hoạt động tương tác trong lớp học. Điều này đòi hỏi GV phải có khả năng tương tác tốt, gợi mở và dẫn dắt thảo luận, thúc đẩy quá trình chia sẻ kiến thức và ý tưởng; đồng thời phải linh hoạt và di chuyển khắp trong phạm vi lớp học. Bên cạnh sự tương tác trực tiếp, GV cần phải giữ tương tác với người học thông qua hệ thống quản lí học tập

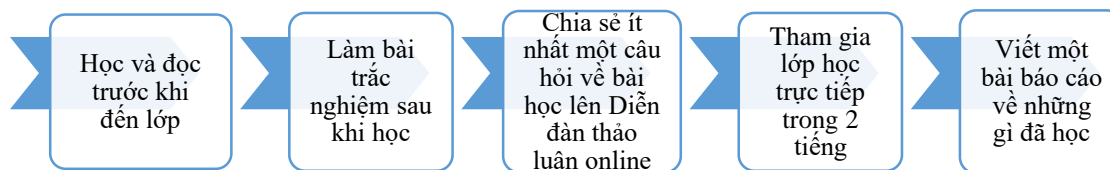
để chắc chắn rằng người học cần được nhắc nhở về các hoạt động tự học ngoài lớp học cũng như cần được hỗ trợ khi cần thiết (Wanner & Palmer, 2015).

### 2.3.3. Lớp học phải được thiết kế phù hợp và tiện ích về mọi mặt

Để mô hình LHDN phát huy được hiệu quả tối ưu, lớp học cần được thiết kế để tạo ra sự tương tác tối đa giữa người học và người học; giữa người học và công nghệ; giữa người học và GV (Noe & Kodwani, 2018). Lớp học cần được trang bị máy chiếu, bảng, đường truyền Internet ổn định và ổ cắm điện ở mỗi bàn học. Chỗ ngồi nên được xếp theo bàn tròn để thuận lợi cho việc trao đổi và làm việc trong nhóm nhỏ; lớp học cho phép tối đa từ 25-30 SV. LHDN sẽ không hiệu quả khi số lượng người học quá đông, vượt quá 30 SV, GV sẽ không thể điều khiển các hoạt động thảo luận hiệu quả và sẽ không thể giữ tương tác với từng SV trong lớp. Bên cạnh đó, người học cần được khuyến khích mang theo các máy móc thiết bị như: máy tính cá nhân, máy tính bảng, điện thoại thông minh để có thể vừa tương tác với GV, vừa có thể tiếp cận với nguồn tài liệu có sẵn trên hệ thống quản lý học tập, vừa có thể truy cập thông tin trên Internet để hỗ trợ việc thảo luận, trao đổi và thực hiện các hoạt động trong lớp học. Thời gian ngồi tại chỗ trong lớp học nên được rút ngắn, người học nên được tạo điều kiện để có thể di chuyển xung quanh, tăng cường hoạt động và tương tác trong lớp học (Baepler et al, 2014).

### 2.3.4. Xây dựng và tuân thủ một số nguyên tắc cụ thể

Việc thiết kế chương trình cho LHDN cần tuân thủ các nguyên tắc: dựa trên khả năng của người học; có đủ linh hoạt và tài nguyên để người học được quyền quyết định tiếp cận nội dung bài giảng ở đâu và bất cứ khi nào họ muốn; người học nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của môn học và lợi ích của môn học đối với bản thân mình; người học nhận được những chỉ dẫn, định hướng và hỗ trợ tốt nhất từ phía GV (Sergis et al, 2018; Wanner & Palmer, 2015). Theo đó, trình tự và nội dung của LHDN cần tạo điều kiện cho người học được: - Lập kế hoạch học tập; - Thực hiện việc học tập; - Quan sát và tương tác với nhau; - Suy ngẫm và rút ra kinh nghiệm cho bản thân (Sergis et al, 2018). Một ví dụ của quy trình thiết kế LHDN được trình bày trong sơ đồ 3, nếu quy trình này được thực hiện và theo dõi triệt để, hiệu quả và kết quả học tập của người học sẽ được cải thiện đáng kể (Missildine et al, 2013).



Sơ đồ 3. Quy trình lớp học đảo ngược (Missildine et al. 2013)

### 2.3.5. Giảng viên phải có phương pháp đánh giá hiệu quả học tập linh hoạt và phù hợp

Để vượt qua trở ngại về khả năng tự học và tự kiểm soát bản thân của người học trong việc chuẩn bị bài học trước khi đến lớp, GV cần xem xét thiết kế phương pháp đánh giá linh hoạt và phù hợp với người học (Van Der Zwan & Afonso, 2019). Cần lưu ý rằng, đánh giá hiệu quả học tập của người học là một quá trình chứ không chỉ là bước cuối cùng của quá trình học. Điểm thành phần của môn học cần được phân bổ đều cho các hoạt động: quá trình tham gia thảo luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa kì và kiểm tra cuối kì. Bên cạnh đó, GV có thể áp dụng một số biện pháp để tăng cường việc chuẩn bị bài học trước khi đến lớp của người học như: đánh giá 10% kết quả môn học cho việc chuẩn bị bài (người học phải đưa ra ghi chú của mình cho GV kiểm tra vào đầu giờ học); yêu cầu người học làm bài trắc nghiệm có tính điểm vào đầu giờ; yêu cầu người học viết một bài luận ngắn suy ngẫm về nội dung đã học được vào cuối giờ.

## 3. Kết luận

Mô hình LHDN về lí luận cũng như thực tiễn ứng dụng trong dạy học đã cho thấy có tính khả thi cao. Trong mô hình này, tiến trình học tập không chỉ được đảo ngược mà còn nhấn mạnh vai trò tích cực, chủ động của người học, xóa dần thói quen thụ động, trông chờ của người học; tạo ra thói quen học hợp tác cũng như thái độ và những kĩ năng quan trọng không thể thiếu đối với một công dân thời đại mới; đồng thời, thấy rõ vị trí và vai trò của GV trong việc thiết kế nội dung, thiết kế tiến trình và điều khiển quá trình học, tương tác và đánh giá. Mô hình LHDN cũng cho thấy việc học không chỉ gò bó trong lớp học mà có thể mở ra nhiều không gian khác nhau như: học ngoài thực tế, tại nhà hay bất cứ nơi nào có không gian mạng. Điều này phù hợp với xu thế và sự phát triển của thế giới.

**Tài liệu tham khảo**

- Baepler P., Walker J., & Driessen M. (2014). *It's not about seat time: Blending, flipping, and efficiency in active learning classrooms*. Computers & Education, 78, 227-236.
- Clark R. M., & Kaw A. K. (2019). *Benefits of adaptive lessons for pre-class preparation in a flipped numerical methods course*. International Journal of Mathematical Education in Science and Technology, 1-17.
- Cheng L., Ritzhaupt A. D., & Antonenko P. (2019). *Effects of the flipped classroom instructional strategy on students' learning outcomes: A meta-analysis*. Educational Technology Research and Development, 67(4), 793-824.
- Jong M. S. Y. (2019). *To flip or not to flip: social science faculty members' concerns about flipping the classroom*. Journal of Computing in Higher Education, 31(2), 391-407.
- Kolb D. A. (1984). *Experience as the source of learning and development*. Upper Saddle River: Prentice Hall.
- Lo C. K., & Hew K. F. (2017). *A critical review of flipped classroom challenges in K-12 education: Possible solutions and recommendations for future research*. Research and Practice in Technology Enhanced Learning, 12(1), 4.
- Missildine K., Fountain R., Summers L., & Gosselin K. (2013). *Flipping the classroom to improve student performance and satisfaction*. Journal of Nursing Education, 52(10), 597-599.
- Nazarenko A. L. (2015). *Blended learning vs traditional learning: What works? (a case study research)*. Procedia-Social and Behavioral Sciences, 200, 77-82.
- Noe R. A., & Kodwani A. D. (2018). *Employee Training and Development, 7e*: McGraw-Hill Education.
- Nguyễn Hoài Nam, Vũ Thái Giang (2017). "Mô hình lớp học đảo trình" trong bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho sinh viên sư phạm. Tạp chí Khoa học dạy nghề, số 43 + 44, tr 49-52.
- Nguyễn Thị Thế Bình, Đặng Thị Thùy Dung (2019). Ứng dụng mạng xã hội học tập Edmodo vào dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo mô hình "lớp học đảo ngược". Tạp chí Giáo dục, số 456, tr 26-29.
- Phan Đức Duy, Nguyễn Văn Nhật (2018). Phối hợp phương pháp dạy học đảo ngược và dạy học trực tuyến trong phần Sinh thái học, Sinh học 12. Tạp chí Giáo dục, số 435, tr 44-48.
- Rasheed R. A., Kamsin A., & Abdullah N. A. (2020). *Challenges in the online component of blended learning: A systematic review*. Computers & Education, 144.
- Sergis S., Sampson D. G., & Pelliccione L. (2018). *Investigating the impact of Flipped Classroom on students' learning experiences: A Self-Determination Theory approach*. Computers in Human Behavior, 78, 368-378.
- Singh A., Rocke S., Pooransingh A., & Ramlal C. J. (2019). *Improving Student Engagement in Teaching Electric Machines Through Blended Learning*. IEEE Transactions on Education, 62(4), 297-304.
- Slomanson W. R. (2014). *Blended learning: A flipped classroom experiment*. J. Legal Educ., 64-93.
- Thai N. T. T., De Wever B., & Valcke M. (2017). *The impact of a flipped classroom design on learning performance in higher education: Looking for the best "blend" of lectures and guiding questions with feedback*. Computers & Education, 107, 113-126.
- Van Der Zwan N., & Afonso A. (2019). *Activating the Research Methods Curriculum: A Blended Flipped Classroom*. PS: Political Science & Politics, 52(4), 749-753.
- Wanner T., & Palmer E. (2015). *Personalising learning: Exploring student and teacher perceptions about flexible learning and assessment in a flipped university course*. Computers & Education, 88, 354-369.